TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 15 /2019/HNGĐ-ST Ngày 17 - 05 -2019 V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: *Không tham gia phiên tòa.*

Ngày 17 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị H có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 28/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số 85/2014, quyển số 01/2014 ngày 10/7/2014 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu). Sau khi cưới thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, anh T không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng ly thân từ tết âm lịch năm 2019 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị H và anh T có với nhau một người con chung là Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2016, hiện nay con chung đang sống với chị H, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Tại tờ tường trình không ngày tháng và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới thời gian đầu sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa anh và chị H mâu thuẫn về chuyện tiền bạc dẫn đến vợ chồng ly thân từ tết âm lịch năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân anh T và chị H có gặp nhau nhưng không hàn gắn. Nay anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H vì anh còn thương vợ mong muốn được hàn gắn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung anh T và chị H có với nhau một người con chung Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2016, hiện nay con chung đang sống với chị H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H có đơn xin ly hôn với anh T, trú tại ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh T như Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến nay anh T không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H có đơn xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là:“ Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị H và anh T lúc đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm lo lắng cho gia đình, lần mâu thuẫn cuối cùng vào đầu năm 2019 âm lịch. Trước đây và cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T, tại buổi hòa giải anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H, anh T mong muốn được hàn gắn vì còn thương chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ đầu năm 2019 âm lịch chi H và anh T ly thân đến nay có gặp nhau nhưng không tự hàn gắn, gia đình hai bên cũng không hàn gắn cho anh chị. Phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể hàn gắn tình cảm cho anh chị, điều đó chứng minh anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H. Mặt khác, chị H cương quyết ly hôn với anh T. Xét thấy hôn nhân của vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị H và anh T khẳng định có một con chung là cháu Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2016, hiện nay con chung đang sống với chị H. Tại các phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại các phiên hòa giải anh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng nếu trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Do đó ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị H và anh T, chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại các buổi hòa giải cũng phiên tòa hôm nay chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, phiên hỏa giải anh T trình bày anh và chị H không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa chị H và anh T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H khẳng định không có nợ chung. Phiên hỏa giải anh T trình bày anh và chị H không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa chị H và anh T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2/ - Về quan hệ con chung:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2016, hiện nay con chung đang sống với chị H.

- Anh Trần Văn T được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu K không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3/- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

4/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6/- Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005567, quyển số 0000112, ngày 27 tháng 03 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, chị H đã nộp đủ.

- Anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiên việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc